

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 04/9/2024

V/v “Ly hôn giữa bà O với ông T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Giàu

2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Âm - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 249/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2024/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Thị Thúy O**, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Ông Huỳnh Bửu T**, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B.

Địa chỉ: xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bà O và ông T yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2024, Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy O trình bày:

Bà và ông T kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang vào ngày 23/4/2020 do tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác, bà O phát hiện và đã tha thứ nhiều lần nhưng ông T không thay đổi. Nay tình cảm giữa bà và ông T không còn nên bà xin ly hôn với ông T.

Về con chung: bà và ông T có 01 con chung tên Huỳnh Nguyễn Kim N, sinh ngày 07/3/2020. Con chung hiện đang sống chung với bà. Sau khi ly hôn, bà O yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: bà và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc bà không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/7/2024, bị đơn ông Huỳnh Bửu T trình bày:

Về hôn nhân: ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thúy O. Ông và bà O quen biết nhau và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn do ông T có vợ bé, bà O phát hiện và đã tha thứ nhiều lần nhưng ông T không thay đổi. Nay thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà O

Về con chung: có 01 con chung là cháu Huỳnh Nguyễn Kim N sinh ngày 07/3/2020. Sau khi ly hôn bà O nuôi con, ông không cấp dưỡng nuôi con

Tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện do ông đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B nên ông không thể trực tiếp đến tham gia vụ án ly hôn ở Tòa án được. Vì vậy ông đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án cũng như được vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử của Tòa án các cấp. Đồng thời, ông đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ giữa ông và bà O vì ông mong muốn sớm được ly hôn với bà O, chấm dứt tình trạng hôn nhân hiện nay.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà O và ông T

- Về con chung: bà O trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Nguyễn Kim N, sinh ngày 07/3/2020. Ghi nhận việc bà O không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà và ông T tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: bà O và ông T cùng khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy O khởi kiện xin ly hôn với bị đơn ông Huỳnh Bửu T; quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Thúy O và ông Huỳnh Bửu T là tranh chấp về ly hôn; hiện nay, ông T đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy O, bị đơn ông Huỳnh Bửu T đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy O và bị đơn ông Huỳnh Bửu T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà O và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2020 có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/4/2020 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà O, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác, bà O phát hiện và đã tha thứ nhiều lần nhưng ông T không thay đổi. Nay tình cảm giữa bà và ông T không còn nên bà xin ly hôn với ông T. Ông T thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn và đồng ý ly hôn với bà O. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà O và ông T.

[2.2] Về con chung: bà O và ông T có 01 con chung tên Huỳnh Nguyễn Kim N, sinh ngày 07/3/2020. Bà O có yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn, ông T đồng ý để bà O nuôi con sau khi ly hôn nên ghi nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận việc bà O không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: bà O và ông T tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: bà O và ông T cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng bà O phải chịu theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thúy O và ông Huỳnh Bửu T.

2. Về con chung: giao con chung là Huỳnh Nguyễn Kim N, sinh ngày 07/3/2020 cho bà Nguyễn Thị Thúy O trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà O không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: bà O và ông T tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: bà O khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà O phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002628 ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND xã T, G, Tiền Giang
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương